

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN



QUI CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
của
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TP. Hồ Chí Minh, 2005

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CHƯƠNG I

NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tổng quan

1) Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/3/2005 và Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg, ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP. Hồ Chí Minh, là cơ sở giáo dục và đào tạo đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về qui hoạch, kế hoạch phát triển Nhà trường, tổ chức đào tạo, Khoa học và Công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức nhân sự trước pháp luật, hoạt động theo Điều lệ Trường Đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 và “Qui chế trường đại học dân lập” ban hành theo Quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng chính phủ.

2) Tiền thân của Trường là Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP. Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 798/TTg, ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

a) Hội đồng Sáng lập của Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP. Hồ Chí Minh gồm 10 thành viên theo Quyết định số 4659/GD-ĐT, ngày 25/10/1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Những sáng lập viên Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP. Hồ Chí Minh cũng chính là những Nhà đầu tư vốn cơ bản của Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP. Hồ Chí Minh.

b) Đơn vị bảo trợ của Trường là : Công ty TNHH Hương Dương

+ Giấy phép thành lập số: 687/GP-UB, ngày 21/11/1992 của Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh.

+ Trụ sở trú đóng tại: 59/9 Phạm Văn Chiêu, P. 2, Quận Gò Vấp.

3) Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn là giai đoạn 2 của quá trình xây dựng một cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập từ Trường Cao đẳng Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh lên Trường Đại học.

a) Tổ chức đứng ra thành lập Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn là Hội đồng Quản trị Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP. Hồ Chí Minh.

b) Toàn bộ vốn, tài sản, con người, thương hiệu của Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP. Hồ Chí Minh là nguồn lực thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn.

Điều 2. Tên Trường

- Tên đầy đủ : **TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**
- Tên gọi tắt : **ĐẠI HỌC SÀI GÒN (DSG).**
- Tên Tiếng Anh : **SAIGON TECHNOLOGY UNIVERSITY (S.T.U)**

Điều 3 : Trụ sở

Cơ sở 1: 354 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8367753 – 8371206

Fax : 8365732

Email : stu@saigon-uni.edu.vn

Website : http://www.saigon-uni.edu.vn

- Cơ sở 2 : 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8505520 – 8501724

Fax : 8365732

Email : stu@saigon-uni.edu.vn

Website : http://www.saigon-uni.edu.vn

Khi phát triển, trường sẽ xây dựng với qui mô thích hợp ở một vài địa điểm khác.

Điều 4. Tính chất và hình thức tổ chức

Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/4/2004 và Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Tính chất và hình thức tổ chức là : Cơ sở đào tạo Đại học ngoài công lập.

1) Trường chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 2) Trường chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3) Trường chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Hội đồng Quản trị giữa 2 kỳ Đại hội những người góp vốn.

Điều 5. Cơ sở pháp lý hoạt động

- 1) Luật Giáo dục được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 02/12/1998. Nghị định 43/2000/NĐ-CP, ngày 30/8/2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục.
- 2) Nghị định 90/CP ngày 21/8/1997, Nghị định 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ. Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 về ban hành “Điều lệ trường đại học”. Quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 về ban hành “Qui chế trường đại học dân lập” và các văn bản pháp qui khác về giáo dục, đào tạo của Thủ tướng chính phủ.

Điều 6. Sứ mệnh của Trường

1) Mục tiêu :

a) Về đào tạo :

Tiến hành đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ có năng lực và phẩm chất tốt phù hợp ngày càng cao với nhu cầu phát triển xã hội và nền kinh tế đất nước ở các trình độ cao đẳng, trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ và trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

b) Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ.

c) Xây dựng nguồn tài chính lành mạnh, khoa học, phục vụ tốt cho sự nghiệp giáo dục đào tạo cũng như đảm bảo nguồn thu nhập chính đáng cho giảng viên, cán bộ nhân viên và quyền lợi của nhà đầu tư.

Hoạt động giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, quan hệ giữa Nhà trường và gia đình, xã hội, quan hệ quốc tế của Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn được qui định tại các điều của chương II, III, V của Điều lệ Trường Đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

2) Trách nhiệm và quyền hạn :

Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn có nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn được qui định tại điều 9 và 10 của Điều lệ Trường Đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Giá trị của nhiệm vụ và sứ mệnh

- 1) Cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo chất lượng cao. Xã hội hóa giáo dục ở trình độ tiên tiến.
- 2) Mục tiêu đào tạo các ngành theo hướng công nghệ.
- 3) Mức độ gia tăng giá trị của người học.
- 4) Khả năng nghiên cứu phát triển và năng lực ứng dụng, dịch vụ khoa học công nghệ.

Điều 8. Chuẩn mực đạo đức của thành viên Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn (S.T.U)

1) Xác định mục tiêu đào tạo :

- Đào tạo đội ngũ tri thức giỏi về chuyên môn, sáng về tâm đức.
- Nội dung, chất lượng đào tạo, phù hợp ngày càng cao với nhu cầu phát triển xã hội của nước ta.
- Mềm dẻo, thích nghi với sự biến động và phát triển của khoa học, công nghệ và kinh tế.
- Hiện đại nhưng thiết thực và hiệu quả.

2) Xác định phẩm chất và giá trị cá nhân :

- Nhiệm vụ, chức năng rõ ràng.
- Năng lực chuyên môn tốt và được phát triển ngày càng cao.
- Khả năng hòa nhập tốt để hoàn thành nhiệm vụ.
- Năng lực quản lý điều phối linh hoạt, hiệu quả tùy theo chức danh.
- Đạo đức : tình thương, trách nhiệm.
- Sức khỏe.

3) Xác định hiệu quả :

- Quán triệt sứ mệnh.
- Đáp ứng mục tiêu.

4) Dân chủ cơ sở :

- Công khai, công bằng.
- Đồng thuận theo nguyên tắc “phục tùng đa số”, kỷ cương.
- Quý trọng bồi dưỡng đức, tài.
- Xây dựng bảo vệ và phát huy giá trị truyền thống của Nhà trường.

CHƯƠNG II
TỔ CHỨC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Điều 9. Cơ cấu tổ chức

Tổ chức bộ máy của Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn bao gồm :

- 1) Đại hội những người góp vốn (cổ đông).
- 2) Hội đồng Quản trị.

Giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Đại hội cổ đông có :

- Ban Kiểm soát
- Hội đồng tư vấn.

- 3) Hiệu trưởng

Giúp việc cho Hiệu trưởng có :

- Các Phó hiệu trưởng.
- Các Phòng, Ban chức năng.
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ.

- 4) Các tổ chức đào tạo : Khoa, Bộ môn.

- 5) Các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng công nghệ.

- 6) Tổ chức Đảng CSNV và các đoàn thể.

Điều 10. Đại hội những người góp vốn (cổ đông)

- 1) Những người góp vốn (cổ đông) là sở hữu chủ các cổ phần (qui thành tiền) của Nhà trường, có quyền hạn và trách nhiệm tỉ lệ với số cổ phần sở hữu.
- 2) Nhà trường tồn tại độc lập với thân trạng và hành vi riêng tư của những người góp vốn. Trường không thể bị ảnh hưởng bởi sự qua đời, cấm quyền, vỡ nợ hay phạm pháp của bất kỳ người góp vốn nào cho dù người đó là thành viên Hội đồng Quản trị hay sáng lập viên.
- 3) Đại hội những người góp vốn là cơ quan quyền lực cao nhất của Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn, giữ quyền lãnh đạo

Nhà trường thông qua Hội đồng Quản trị. Quyết định của Đại hội những người góp vốn được chép vào sổ biên bản do Chủ tịch và Thư ký phiên họp ký tên xác nhận. Quyết định được giao cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện giám sát.

4) Người góp vốn có thể ủy quyền bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị hay cho một người góp vốn khác tham dự đại hội những người góp vốn thay mình. Việc ủy quyền có giá trị như sự hiện diện. Giá trị lá phiếu căn cứ trên số cổ phần mà người chủ lá phiếu đó sở hữu.

5) Đại hội những người góp vốn lần đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ có nhiệm vụ :

- Bầu Hội đồng Quản trị
- Bầu Ủy viên kiểm soát

Ở Đại hội này, số người hiện diện phải thay mặt cho số người chiếm ít nhất $\frac{3}{4}$ số cổ phần và việc biểu quyết theo đa số quá bán.

6) Đại hội thường kỳ của những người góp vốn mỗi năm họp một lần do Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập và chủ trì.

a) Nội dung đại hội :

- Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động của năm trước và kế hoạch cho năm tới.
- Thông qua báo cáo của Hiệu trưởng về tình hình học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, công nghệ của Nhà trường.
- Thông qua báo cáo về tình hình tài chính của Trường.
- Thông qua Quyết định bổ nhiệm các thành viên mới tham gia vào Hội đồng Quản trị trường hoặc thay thế các thành viên nghỉ việc.

b) Thẩm quyền :

- Quyết định phương hướng và nhiệm vụ phát triển, kế hoạch tiến hành đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ hàng năm.
- Quyết định việc tăng vốn dưới các hình thức phát hành thêm cổ phần, tăng thêm vốn bằng hiện vật, chuyển quỹ dự trữ vào vốn, chuyển cổ phiếu thành cổ phần.
- Xem xét, quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về mặt đào tạo, nghiên cứu và tài chính của trường.
- Thảo luận và thông qua quyết toán tài chính năm qua và có ý kiến về kế hoạch tài chính năm đến.

- Quyết định việc tăng giảm vốn hoạt động và xem xét trách nhiệm, nếu có, do hậu quả của việc tăng vốn hoạt động.
- Quyết định mức trích lợi nhuận để lập các quỹ, cũng như mức lợi nhuận cho các cổ phần thụ hưởng trong năm tài khoá.
- Quyết định đề nghị giải thể hoặc tuyên bố phá sản.
- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các kiểm soát viên.
- Bầu và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và kiểm soát viên theo thể thức trực tiếp và kín.

c) Tính hợp lệ của các đại hội thường kỳ :

- Đại hội những người góp vốn thường kỳ, để được hợp lệ, phải có sự hiện diện của các cổ đông đại diện cho tối thiểu $\frac{2}{3}$ số cổ phần của trường. Quyết định của Đại hội thường kỳ có giá trị khi được biểu quyết tán thành bởi số người góp vốn ít nhất là đại diện được cho trên $\frac{1}{2}$ số cổ phần của Nhà trường.

-
- Để thông qua các quyết định thuộc phạm vi tài chính, tài sản, sự mua sắm chuyển nhượng, sự thay đổi có tính chất sách lược của Trường thì cần có sự thống nhất của một số ý kiến đại diện : đó là ý kiến của các cổ đông có từ 5% trên tổng số vốn của trường. Các phiếu hỏi ý kiến, hoặc lấy ý kiến trực tiếp do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định thông qua thường trực Hội đồng Quản trị.
-

d) Tính hợp lệ của các Đại hội bất thường :

- Đại hội những người góp vốn bất thường do Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập theo yêu cầu của số đông đại diện cho hơn $\frac{1}{2}$ số cổ phần, hoặc theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị. Đại hội bất thường được triệu tập nhằm giải quyết các vấn đề khẩn cấp như :
 - Bãi nhiệm, bầu bổ sung hoặc thay thế ủy viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên vì những lý do khẩn cấp.
 - Sửa đổi, bổ sung điều lệ, tăng vốn điều lệ, thay đổi danh hiệu, dời trụ sở, đổi cách sử dụng phúc lợi.
 - Thanh lý, giải thể, quyết định liên doanh, liên kết, sáp nhập trường.
 - Hòa giải, phân xử, các tranh chấp, tố tụng nghiêm trọng.

Đại hội những người góp vốn bất thường phải hội đủ số thành viên đại diện cho $\frac{3}{4}$ số cổ phần hoặc gần $\frac{1}{2}$ ủy viên Hội đồng Quản trị, mới có giá trị, nếu không sẽ triệu tập lại một Đại hội những người góp vốn bất thường khác và lần này, chỉ cần có đủ số thành viên đại diện cho $\frac{2}{3}$ cổ phần. Đại hội bất thường được coi như bất thành khi không hội đủ các điều kiện trên.

Các quyết định của Đại hội những người góp vốn bất thường được triệu tập lần thứ nhất có giá trị khi được biểu quyết chấp thuận của số thành viên đại diện cho 2/3 số cổ phần của Nhà trường. Đối với lần triệu tập thứ hai, thay vì 2/3 là 3/5 số cổ phần của trường.

Các trích lục biên bản của Đại hội những người góp vốn thường kỳ hay bất thường kỳ phải do Chủ tịch Hội đồng Quản trị hay hai kiểm soát viên xác nhận.

Điều 11. Hội đồng Quản trị

- 1) Hội đồng Quản trị là tổ chức đại diện duy nhất quyền sở hữu trường, có trách nhiệm và quyền tự quyết định những vấn đề quan trọng về tổ chức, nhân sự và tài chính, tài sản của Nhà trường.
- 2) Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Quản trị và các tiêu chuẩn các thành viên Hội đồng Quản trị được quy định tại điều 15, 16, 17, 19, 21, 22, 23 của Quy chế trường đại học dân lập ban hành theo quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ.
- 3) Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định tại khoản 2 điều 30 Điều lệ Trường Đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg, ngày 30/7/2003; điều 18, 19, 20 của Quy chế trường đại học dân lập ban hành theo quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ.
- 4) **Tổ chức Hội đồng Quản trị :**

Tổng số thành viên : tối thiểu là 07 và tối đa là 11 người

Trong đó Hội đồng Quản trị bầu các chức danh :

- 01 Chủ tịch.
- 01 Phó Chủ tịch : Phụ trách Kinh tế – Tài chính.
- 01 Phó Chủ tịch : Phụ trách chuyên môn và phát triển.
- 01 Ủy viên thường trực.

Thường trực Hội đồng Quản trị gồm các chức danh trên và Hiệu trưởng.

- Các ủy viên còn lại đảm nhiệm từng mặt công tác hay chuyên đề do Thường trực Hội đồng Quản trị phân công.

5) Chế độ làm việc :

- Họp định kỳ Hội đồng Quản trị : 01 tháng/ một lần.
- Họp thường trực : 02 tuần / một lần.
- Họp bất thường : do nhu cầu cấp bách, đột xuất.

- Họp giữa nhiệm kỳ : Đánh giá tình hình hoạt động của Nhà trường, của Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu, đánh giá tín nhiệm Chủ tịch, các chức danh Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng.
- Họp cuối nhiệm kỳ : Đánh giá hoạt động nhiệm kỳ và chuẩn bị phương hướng công tác và nhân sự nhiệm kỳ mới.

Điều 12 . Ban kiểm soát

- 1) Ban kiểm soát do Đại hội những người góp vốn bầu.
- 2) Thành viên ban kiểm soát : Trưởng ban là thành viên Hội đồng Quản trị. Các ủy viên là các nhà chuyên môn trong các lĩnh vực hoạt động của trường và một thư ký.
- 3) Nhiệm vụ của Ban kiểm soát : thay mặt đại hội những người góp vốn và Hội đồng Quản trị kiểm tra các hoạt động có tính chất chuyên môn và đặc thù về: tài chính, đầu tư, luật pháp,... của nhà trường. Ban kiểm soát phải có nhiệm vụ báo cáo về công việc của mình (Bằng văn bản) trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và đại hội những người góp vốn.
- 4) Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong từng nhiệm kỳ, hoạt động của Ban kiểm soát theo qui chế được thông qua cùng Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Hiệu trưởng.

Điều 13. Hội đồng tư vấn

- 1) Hội đồng tư vấn là một tổ chức do Hội đồng Quản trị thành lập làm công tác tư vấn cho Hội đồng Quản trị.
- 2) Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ : tư vấn cho Hội đồng Quản trị về định hướng, về hoạch định chiến lược chính sách đào tạo, nghiên cứu và phát triển của trường.
- 3) Thành viên hội đồng tư vấn là những chuyên gia liên quan đến nhiệm vụ giáo dục đào tạo và nghiên cứu của nhà trường và có 2/3 thành viên là người ngoài trường (chuyên gia kinh tế, giáo dục khoa học, công nghệ cũng như những người có kinh nghiệm sử dụng nhân lực và công nghệ....).
- 4) Hội đồng tư vấn 06 tháng họp 01 lần, do Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập và điều hành.

Điều 14. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 1) Tiêu chuẩn, bầu cử, công nhận Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo điều 16, 20, 21, 22 của Quy chế trường đại học dân lập ban hành theo quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ.
- 2) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị được qui định ở điều 17 của Quy chế trường đại học dân lập ban hành theo quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 15. Hiệu trưởng

- 1) Hiệu trưởng là người điều hành hoạt động của trường, đại diện nhà trường trước xã hội và pháp luật, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà nước về chất lượng đào tạo, về thực hiện các quy định quy chế về giáo dục và đào tạo và hoạt động khác trong thẩm quyền được giao.
- 2) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng được qui định tại điều 32, 33, 34, 35, 36 Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTG ngày 18/7/2000; điều 27 Quy chế trường đại học dân lập ban hành theo quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ.
- 3) Tiêu chuẩn và trách nhiệm đề cử, công nhận Hiệu trưởng được qui định tại khoản 2 điều 31 Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTG ngày 30/7/2003, điều 24, 26 Quy chế đại học dân lập ban hành theo Quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 16. Phó Hiệu trưởng

- 1) Phó Hiệu trưởng là người giúp việc cho Hiệu trưởng. Tiêu chuẩn Phó Hiệu trưởng được qui định tại khoản 01 điều 38 Điều lệ trường đại học ban hành theo quyết định số 153/2000/QĐ-TTG ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ.
- 2) Số lượng Phó Hiệu trưởng và những người được chọn vào cương vị Phó Hiệu trưởng do Hiệu trưởng đề nghị, Hội đồng Quản trị phê duyệt và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.
- 3) Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Hiệu trưởng.

- a) Giúp Hiệu trưởng quản lý, và trực tiếp phụ trách và điều hành một số hoạt động và lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- b) Khi giải quyết công việc được Hiệu trưởng giao, Phó Hiệu trưởng thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công việc được giao.

Điều 17. Hội đồng khoa học và đào tạo

- 1) Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường bao gồm : đại diện Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các Trưởng khoa, một số Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên chính của trường, một số nhà khoa học, quản lý giáo dục và đại diện một số tổ chức kinh tế – xã hội ở ngoài trường quan tâm và am hiểu về giáo dục đại học, là cơ quan tư vấn cho Hiệu trưởng.
- 2) Hội đồng khoa học và đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng và do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học và đào tạo theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.
- 3) Hội đồng Khoa học và đào tạo là tổ chức tư vấn cho Hiệu trưởng về :
 - a) Quy hoạch và chiến lược phát triển Nhà trường, mục tiêu, chương trình đào tạo, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về đào tạo, khoa học và công nghệ.
 - b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ, nhân viên cơ hữu của Trường.
- 4) Các thành viên Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường được quyền kiến nghị về kế hoạch và nội dung công việc của Hội đồng.
- 5) Hội đồng Khoa học và đào tạo họp ít nhất 6 tháng 1 lần và do Hiệu trưởng triệu tập.
- 6) Các kết luận của Chủ tịch Hội đồng tại các phiên họp của Hội đồng khoa học và đào tạo phải được báo cáo cho Hội đồng Quản trị và thông báo tới các Khoa, Bộ môn.
- 7) Quyền lợi của Hội đồng khoa học và đào tạo do Hiệu trưởng quyết định được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Điều 18. Các Khoa, Phòng (ban), Bộ môn

- 1) Chức năng, nhiệm vụ các Phòng (ban), Khoa hoặc bộ môn trực thuộc Trường được qui định tại điều 40, 41, 42 của Điều lệ trường Đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ.
- 2) Tùy theo khả năng, qui mô đào tạo, nhiệm vụ của Trường, Hiệu trưởng đề xuất cho Hội đồng Quản trị cơ cấu tổ chức các Phòng (ban), Khoa, bộ môn nhằm đảm bảo thực hiện tốt hoạt động của Trường.

Việc thành lập, giải thể, sáp nhập các đơn vị Phòng (ban), Khoa, bộ môn do Hiệu trưởng quyết định sau khi Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Điều 19. Các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp :

- 1) Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn có các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp được tổ chức hoạt động với chức năng, nhiệm vụ của loại hình tổ chức được qui định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 43 của Điều lệ trường Đại học, ban hành theo qui định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/07/2003 của Thủ tướng Chính phủ.
- 2) Hiệu trưởng quyết định thành lập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp sau khi thông qua Hội đồng Quản trị.

Điều 20. Các cơ sở phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ

- 1) Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn có các trung tâm thông tin tư liệu, in ấn và các đơn vị phục vụ công tác đào tạo, khoa học công nghệ như : Phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thực nghiệm, xưởng trường thực hành, bảo tàng, phòng truyền thống, tổ chức dịch vụ, câu lạc bộ, nhà văn hóa – thể dục thể thao, ký túc xá, nhà ăn... được qui định tại các khoản 1, 2, 3 điều 44 của Điều lệ trường Đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ.
- 2) Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng Quản trị về kế hoạch phát triển Nhà trường, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập và giải thể các cơ sở phục vụ đạo tạo, khoa học và công nghệ nói trên.

Điều 21. Các hội đồng không thường trực

- 1) Các hội đồng không thường trực là các tổ chức hoạt động theo quyết định của Hiệu trưởng, theo tính chất và nội dung công việc.

- 2) Các hội đồng không thường trực do Hiệu trưởng làm chủ tịch bao gồm :
 - a) Hội đồng tuyển sinh.
 - b) Hội đồng tốt nghiệp.
 - c) Hội đồng tuyển dụng.
 - d) Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật, ...
- 3) Trách nhiệm và quyền lợi của các ủy viên hội đồng không thường trực do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 22. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam

- 1) Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong nhà trường do tổ chức Đảng cấp trên quyết định thành lập.
- 2) Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của tổ chức Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và theo hướng dẫn 16/HD-TC-TW ngày 20/1/2003 của Ban tổ chức Trung ương thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, về chức năng, nhiệm vụ của Đảng Bộ, Chi bộ cơ sở trong các trường học ngoài công lập.
- 3) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam nhà trường lãnh đạo trực tiếp Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức quần chúng khác trong Nhà trường.

Điều 23. Các tổ chức đoàn thể – xã hội

- 1) Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên là những tổ chức đoàn thể và tổ chức xã hội nằm trong hệ thống tổ chức chính trị trong trường.
- 2) Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên hoạt động theo điều lệ của mình và theo pháp luật.

Điều 24. Mối quan hệ điều hành của Hội đồng Quản trị và Hiệu trưởng.

- 1) Đảm bảo việc Hội đồng Quản trị có trách nhiệm và quyền tự quyết định những vấn đề quan trọng về : MỤC TIÊU - NHIỆM VỤ - KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - TỔ CHỨC – NHÂN SỰ – TÀI CHÍNH – TÀI SẢN của Nhà trường.
- 2) Hiệu trưởng chủ động trong việc THỰC THI theo pháp luật Nhà nước, các Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- 3) Đảm bảo mối quan hệ lãnh đạo, trách nhiệm cụ thể giữa Hội đồng Quản trị và Hiệu trưởng trong hoạt động thực tiễn của Nhà trường.

	QUI ĐỊNH ĐIỀU KHOẢN	TRÁCH NHIỆM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	TRÁCH NHIỆM HIỆU TRƯỞNG
1	<u>Tổ chức – Nhân sự :</u>	Phê duyệt phương án, cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành của Nhà trường.	Đề nghị phương án, cơ cấu tổ chức, điều hành và quản lý Nhà trường.
		Cử Hiệu trưởng.	Đề cử Phó Hiệu trưởng, trưởng khoa, phòng, ban.
		Phê duyệt, đề nghị và bổ nhiệm cấp : Phó Hiệu trưởng, Trưởng khoa, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng, Ban.	Đề nghị và thực thi phương án được duyệt và kiến nghị điều chỉnh.
		Ký HĐLĐ & văn bản tương đương với: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng. Phê duyệt HĐLĐ hay văn bản tương đương do Hiệu trưởng ký đối với Trưởng Khoa, Phòng, Ban và các chức vụ tương đương.	Xây dựng đội ngũ giảng viên, CBNV đáp ứng yêu cầu công việc của nhà trường, đặc biệt quan tâm đến chất lượng đội ngũ giảng viên.
		Phê duyệt chế độ lương, phụ cấp, chế độ thu học phí do Hiệu trưởng ban hành.	Đề nghị các nội dung HĐLĐ & các văn bản, tương đương của HĐLĐ và ký HĐLĐ & các văn bản tương đương: quản lý, sử dụng bồi dưỡng nguồn nhân lực.
		Phê duyệt các hình thức : học bổng, khen thưởng, kỷ luật.	
		Giám sát việc thực thi của Hiệu trưởng.	Đảm bảo ổn định chính trị, trật tự, an ninh, an toàn trong việc tổ chức và hoạt động.
2	<u>Giáo dục – Đào tạo và Nghiên cứu khoa học :</u>	Quyết định và điều chỉnh về cấu thành chất lượng đào tạo, về ngành nghề, trình độ, quy mô đào tạo và định hướng quy hoạch phát triển.	Quản lý sử dụng các nguồn lực thực hiện mục tiêu đào tạo, phát triển và đảm bảo chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học.
		Quyết định các nguyên tắc giải quyết các vấn đề đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất và công tác đối ngoại.	Tổ chức công tác giáo dục & đào tạo : tuyển sinh, quản lý đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng đúng quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo và Nhà nước.
		Giám sát việc thực thi và chấp hành các quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục – Đào tạo và Hội đồng Quản trị của Hiệu trưởng	Báo cáo kết quả, tồn tại và phương hướng
3	<u>Tài sản :</u>	Quyết định và giữ vai trò chủ đầu tư, điều hành xây dựng các hạng mục hình thành tài sản của Trường	Đề nghị các hạng mục đầu tư xây dựng hình thành tài sản của Nhà trường : Nhà, xưởng, đất đai, phương tiện và phòng thí nghiệm,...
		Bàn giao các hạng mục tài sản của Nhà trường cho Hiệu trưởng.	Quản lý, sử dụng, khai thác, bảo quản các tài sản do Hội đồng Quản trị bàn giao phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học... của Trường.
		Chủ trì sửa chữa lớn và nâng cấp các hạng mục của tài sản theo yêu cầu của Hiệu trưởng	Duy tu, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa, đảm bảo hoạt động của các tài sản.

4	<u>Tài chính :</u>	Huy động và quản lý các nguồn vốn.	Chủ tài khoản : chủ động thu, chi theo kế hoạch tài chính đã được Hội đồng Quản trị duyệt hàng tháng, quý, năm.
		Phân bổ ngân sách, phê duyệt kế hoạch tài chính hàng quý, hàng năm.	Lập dự toán và quyết toán ngân sách hàng quý và niên khóa. Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính đã được duyệt
		Phê duyệt các quỹ học bổng, khen thưởng, trợ cấp, các chi phí hoạt động của đoàn thể ...	Điều phối và thực hiện các loại quỹ và chi phí
		Xây dựng, sửa đổi chế độ, định mức tiêu chuẩn Thu – Chi...	Tổ chức công tác kế toán, quản lý tài chính, tài sản do Hội đồng Quản trị giao và theo quy định của pháp luật.
		Giám sát kiểm tra việc hoạch toán tài chính kế toán, cáo cáo Thu - Chi	Báo cáo định kỳ về tài chính và các hoạt động theo quy định của HĐQT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan thống kê và các cơ quan liên quan.
5	<u>Chế độ thông tin, quan hệ :</u>		
	5.1 Kênh thông tin :	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Văn phòng Trường
	5.2 Nội dung thông tin :	Quyết định trong lãnh đạo : các định hướng lớn về đào tạo, nghiên cứu của trường và về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản.	Các văn bản của Bộ Giáo dục – Đào tạo và Nhà nước trong mọi hoạt động của Nhà trường.
		Kết quả kiểm tra giám sát việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, của Nhà nước.	Báo cáo tổng hợp theo định kỳ : tháng, quý, niên khóa Báo cáo chuyên đề hoặc những vấn đề có tính thời sự.
		Các giải pháp	Các giải pháp thực thi
	5.3. Đối thoại trực tiếp		
		Hình thức giao ban : + Với Hiệu trưởng + Hội đồng tư vấn, Ban kiểm soát. + Từng bộ phận chức năng khi cần thiết (khoa, phòng, ban) + Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn TNCS, Hội sinh viên. + Giảng viên, CB-NV.	Hình thức giao ban : + Lãnh đạo điều hành Nhà trường. + Thường trực Hội đồng Quản trị. + Hội đồng KHĐT và các hội đồng khác. + Giảng viên, CB-NV + Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công sản, Hội sinh viên. + Với người học, phụ huynh. + Cơ quan địa phương và thông tấn báo chí

CHƯƠNG III

GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Điều 25. Giảng viên, cán bộ, nhân viên.

- 1) Giảng viên, cán bộ, nhân viên là yếu tố quan trọng quyết định kết quả hoạt động và chất lượng giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ và tạo ra thanh danh của Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn.
- 2) Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của giảng viên, cán bộ, nhân viên được quy định tại điều 45 của Điều lệ trường Đại học ban hành theo quyết định số 153/2000/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 26. Giảng viên

- 1) Giảng viên Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn bao gồm: giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều 46 và có quyền cũng như nghĩa vụ tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ được quy định tại điều 47 của Điều lệ trường Đại học ban hành theo quyết định số 153/2000/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 và điều 45, 46, 47 Quy chế trường Đại học dân lập ban hành theo quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ.
- 2) Giảng viên cơ hữu của trường không phải là công chức nhà nước, được tuyển dụng theo hợp đồng lao động, công tác và được thực hiện mọi chế độ quyền lợi theo Luật Lao động như hưởng lương, thưởng, trả tiền công, được đóng bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn theo qui định của pháp luật và theo kết quả hoạt động của Nhà trường.
- 3) Đối với giảng viên là công chức nhà nước chuyển sang làm cán bộ, giảng viên cơ hữu của trường, thời gian làm việc tại Trường được tiếp tục tính là thời gian công tác liên tục để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, y tế. Nhà trường sẽ phải tiếp tục nộp bảo hiểm xã hội, y tế theo qui định của pháp luật.
- 3) Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ giảng viên để số giảng viên cơ hữu đảm bảo thực

hiện không dưới 30% khối lượng giảng dạy ở năm học thứ nhất, trong vòng 5 năm tiếp theo, giảng viên cơ hữu của trường phải đảm bảo không dưới 2/3 khối lượng giảng dạy các môn học của trường và sau 10 năm Nhà trường có đủ giảng viên cơ hữu theo yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ của Nhà trường.

Điều 27. Cán bộ, nhân viên

Cán bộ, nhân viên cơ hữu và hợp đồng của Nhà trường không thuộc biên chế Nhà nước, được tuyển dụng theo hợp đồng lao động, hưởng chế độ tiền công, tiền lương, được Nhà trường đóng bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn theo qui định của pháp luật và theo kết quả hoạt động của Nhà trường.

CHƯƠNG IV

NGƯỜI HỌC

Điều 28. Tất cả những người học phù hợp với điều 50 của Điều lệ trường đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg, ngày 18/7/2003 và điều 48 của Quy chế Trường Đại học dân lập ban hành kèm theo quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ đều có thể được tuyển vào học tại Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn.

Điều 29. Sinh viên trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn

- 1) Nhiệm vụ và quyền hạn của sinh viên học tại trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn được quy định tại điều 51 của Điều lệ trường đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg, ngày 30/7/2003 và điều 49, 50 của Quy chế trường Đại học dân lập ban hành kèm theo quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ
- 2) Sinh viên Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn được cấp bằng tốt nghiệp Quốc gia và các chứng chỉ tương ứng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 3) Sinh viên vào học tại Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn, nếu học tập xuất sắc, có thể được cấp học bổng, hoặc có hoàn cảnh gia đình khó khăn có thể được miễn giảm học phí, giúp vay học phí từ Quỹ tín dụng khuyến học, tạo thêm công ăn việc làm trong thời gian học tập cũng như khi vừa ra trường.

CHƯƠNG V

VỐN – TÀI CHÍNH – TÀI SẢN

Điều 30. Nguyên tắc chung

- 1) Tài sản của Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn bao gồm : đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng, trang thiết bị, các kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và những tài sản khác do Trường đầu tư, mua sắm, xây dựng, chế tạo hoặc được Nhà nước giao cho Trường quản lý sử dụng, được biếu tặng để đảm bảo cho hoạt động đào tạo nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cho các hoạt động khác của trường.
- 2) Tài sản của Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn bao gồm tài sản thuộc phần góp vốn của các nhà đầu tư và tài sản tăng thêm trong quá trình hoạt động được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật, không ai được chiếm đoạt.
- 3) Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn được tự chủ về tài chính theo nguyên tắc tự cân đối thu chi, duy trì các hoạt động và phát triển của trường.
- 4) Việc quản lý tài chính, tài sản của Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn được qui định tại khoản 6 điều 55 Điều lệ trường đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg, ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ.
- 5) Hội đồng Quản trị là tổ chức đại diện duy nhất quyền sở hữu của nhà trường có trách nhiệm và quyền tự chủ quyết định những vấn đề quan trọng về tài sản tài chính của Nhà trường. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Quản trị về tài chính, tài sản được quy định tại khoản 18.1, 18.2, 18.3, 18.5, 18.6, 18.8 điều 18 và điều 44 Quy chế trường Đại học dân lập ban hành theo Quyết định 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ.
- 6) Hiệu trưởng là chủ tài khoản của Nhà trường, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về toàn bộ công tác quản lý tài chính, tài sản của trường.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trong quản lý tài sản, tài chính được qui định tại điều 35 của Điều lệ trường đại học ban hành theo quyết định số 153/2003/QĐ-TTg, ngày 30/7/2003 và điều 40.

41, 42, 43 cũng như các khoản 2, 4, 7, 9, 10 tại điều 27 của Quy chế trường Đại học dân lập ban hành theo Quyết định 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 31. Nguồn vốn – Cơ cấu vốn

Theo khoản 1,3 điều 1 của quy chế này, nguồn vốn, cơ cấu vốn và tất cả vốn, tài sản của trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn được hình thành từ ngày thành lập trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP. Hồ Chí Minh.

Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn thực sự tự chủ về tài chính, tất cả vốn đóng góp đều do các cá nhân góp vào để mua đất đai, xây dựng trường sở, đầu tư trang thiết bị, hình thành tổ chức Nhà trường để đưa vào hoạt động.

Nguồn vốn – cơ cấu vốn như sau:

1) Vốn cơ bản (là vốn điều lệ) của Trường :

Đây là vốn do các Sáng lập viên đóng góp. Tổng vốn cơ bản là 9.000.000.000 VND (Chín tỷ đồng Việt Nam).

Tổng vốn : 9 (chín) tỷ đồng được chia ra 90.000 (chín mươi ngàn) cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá một trăm ngàn đồng Việt Nam (100.000 đồng). Thu trong 3 giai đoạn phù hợp với dự án xây dựng Trường.

2) Vốn phát triển :

Khi Nhà trường cần mở rộng và phát triển, Đại hội những người góp vốn quyết định mở rộng vốn, tăng cường cổ phần để có vốn phát triển trường. Cổ phần vốn phát triển được ưu tiên dành cho những người đã góp vốn cơ bản. Trong trường hợp tăng vốn, Đại hội những người góp vốn sẽ kiểm định giá trị tài sản tại thời điểm, xác định tổng cổ phần đã có, số cổ phần cần tăng, đối tượng được góp vốn và xác định giá trị cổ phiếu. Giai đoạn trước mắt sẽ ưu tiên dành cho cán bộ, nhân viên, Giảng viên cơ hữu tham gia vào hàng ngũ những người góp vốn của Nhà trường.

Một cá nhân, ngoại trừ sáng lập viên, góp vốn phát triển không được góp quá 30% vốn bình quân của Những thành viên đầu tư vốn cơ bản. Trong trường hợp có nhu cầu vốn cao hơn thì sẽ do Đại hội những người góp vốn thảo luận quyết định.

Khi đạt được những thành quả nhất định. Nhà trường sẽ tiến hành tặng thưởng cho Giảng viên và Cán bộ, nhân viên có công (thành tích) xuất sắc các cổ phần danh dự.

3) Vốn huy động từ vay mượn Ngân hàng hay các đối tượng khác :

Khi có nhu cầu, Hội đồng Quản trị Trường trình Đại hội cổ đông nghị quyết vay Ngân hàng hay các tổ chức tín dụng khác để đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường.

Điều 32. Nguồn thu của trường

Vốn hoạt động của Nhà trường xuất phát từ các nguồn thu:

- Từ tiền đóng góp của nhà đầu tư : gọi là vốn góp dưới hình thức góp vốn cổ phần.
- Từ học phí, lệ phí của người học.
- Từ các hợp đồng đào tạo, NCKH, lao động sản xuất, chuyển giao công nghệ.
- Từ lãi tiền gửi ngân hàng.
- Từ thanh lý tài sản.
- Từ tiền vay của các tổ chức tín dụng ngân hàng.
- Từ tài trợ của nhà nước hay các tổ chức, cá nhân thiện nguyện trong và ngoài nước.
- Từ các nguồn thu khác.

Điều 33. Các khoản chi của trường

Các Khoản chi của trường bao gồm :

- 1) Chi phục vụ đào tạo (thù lao giảng dạy, lương bộ máy Quản lý nhà trường thuê mượn mặt bằng, trang thiết bị, sách vở, năng lượng, thông tin...)
- 2) Chi nghiên cứu khoa học.
- 3) Chi thưởng và phúc lợi cho giảng viên, cán bộ, nhân viên.
- 4) Chi mua sắm tài sản và sửa chữa nhỏ.
- 5) Chi khấu hao tài sản.
- 6) Chi đào tạo giảng viên cơ hữu và cán bộ, nhân viên ở trong nước và ngoài nước.
- 7) Làm nghĩa vụ với Nhà nước theo qui định.

8) Chi trả lãi cho người góp vốn:

- a) Theo khoản h điều 38 Quy chế trường Đại học Dân lập ban hành theo quyết định 86/2000/QĐ – TTg ngày 18/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ: Khoản chi này thuộc khoản chi thường xuyên trước lãi.
- b) Theo tinh thần Luật Doanh nghiệp và Luật Công ty Cổ phần: Sau khi kết thúc chi vào cuối năm tài chính, lãi của trường (là phần chênh lệch giữa thu và chi) sẽ được sử dụng để chia cổ tức (tức là lãi cổ đông được hưởng trên cổ phần của mình)

Dựa vào hai tinh thần trên, Đại hội Cổ đông sẽ tùy theo tình hình môi trường đầu tư và yêu cầu phát triển để quyết định phương thức chi trả lãi cho người góp vốn là khoản chi thường xuyên (Khoản 8a) hay Chi theo kết quả (Khoản 8b).

Điều 34. Kết toán hoạt động tài chính mỗi niên khoá vào ngày 31/12 hàng năm. Khoản chênh lệch giữa thu và chi được đem chia cho các mục :

1) Trích tối thiểu 30% để đầu tư phát triển cho sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo (tái đầu tư).

2) Số còn lại được :

- Phân phối cho những nhà đầu tư : Trả thu nhập cho những người góp vốn (các nhà đầu tư) theo tỉ lệ vốn góp.
- Lập Quỹ dự phòng.
- Chi thưởng cho Bộ máy Quản lý Nhà trường.
- Chi các khoản phúc lợi, khen thưởng...

Tỉ lệ phân phối cho các mục trên do Hội đồng Quản trị đương nhiệm quyết định.

Điều 35. Kiểm tra tài chính

Hội đồng Quản trị ban hành qui chế quản lý tài chính tài sản và phê duyệt kế hoạch và định mức thu chi. Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị đặc trách tài chính thay mặt Hội đồng Quản trị đề xuất định hướng kế hoạch và trực tiếp kiểm tra thu chi của Nhà trường.

Nhà trường thực hiện chế độ tài chính công khai theo kế hoạch đã được duyệt và phải giải trình ngay khi vượt kế hoạch. Hàng tháng Hiệu trưởng có báo cáo tài chính chi tiết gửi cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, có xác nhận của Ủy viên kiểm soát.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36.

Quy chế này gồm 06 (sáu) chương, 37 (ba mươi bảy) điều, là cơ sở pháp lý, các thành viên từ Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu đến giảng viên, cán bộ nhân viên và sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ trong mọi hoạt động và tổ chức của Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn. Nội dung các điều khoản trong quá trình thực hiện nếu xét thấy cần điều chỉnh sửa đổi sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.

Điều 37.

Quy chế này đã được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2005 và có hiệu lực kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

1 NGUYỄN NGỌC DIỆN



6 TRƯƠNG QUANG MÙI

2 LƯU DUẤN

7 NGUYỄN QUÂN

3 LÊ NGUYỄN ĐẠI

8 NGÔ VĂN TẤN

4 HUỲNH XUÂN ĐÌNH

9 HỒ ĐẮC THỌ

5 LÊ ĐỨC HIỆN

10 NGUYỄN QUANG TUYẾN